

Số: 245/QĐ/TGD-MXV

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành mức ký quỹ khi giao dịch liên kỳ hạn mặt hàng Cà phê tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam

### TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 9/4/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Giấy phép thành lập Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam số 4596/GP-BCT do Bộ Công Thương cấp ngày 01/9/2010 và các Giấy phép sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế Niêm yết và Giao dịch Hợp đồng Kỳ hạn, Hợp đồng Quyền chọn hàng hóa tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;
- Xét đề nghị của Khối Quản lý Giao dịch,

### QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành các mức ký quỹ khi thực hiện giao dịch liên kỳ hạn (inter-month), mặt hàng Cà phê tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV) theo **Phụ Lục I** đính kèm.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **02/4/2024** và thay thế Quyết định số: 230/QĐ/TGD-MXV ngày 22/3/2024.
- Điều 3.** Ban Giám đốc, các Đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam; Thành viên Kinh doanh; Thành viên Môi giới chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: HC./.



Dương Đức Quang

**PHỤ LỤC I**  
**MỨC KÝ QUỸ GIAO DỊCH LIÊN KỶ HẠN (INTER-MONTH) MẶT HÀNG CÀ PHÊ**  
**TẠI SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **245** /QĐ/TGD-MXV của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam ngày **04** tháng **4** năm 2024)

**I. Danh sách các mức ký quỹ liên kỳ hạn mặt hàng Cà phê**

**1. Cà phê Arabica**

STT	Tên hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn bắt đầu	Kỳ hạn kết thúc	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Cà phê Arabica	Nguyên liệu công nghiệp	ICE US	05/2024	07/2024	821	USD
2				05/2024	09/2024	1,003	USD
3				05/2024	12/2024	1,239	USD
4				05/2024	03/2025	1,239	USD
5				07/2024	09/2024	826	USD
6				07/2024	12/2024	1,239	USD
7				07/2024	03/2025	1,239	USD
8				09/2024	12/2024	414	USD
9				09/2024	03/2025	414	USD
10				12/2024	03/2025	204	USD

**2. Cà phê Robusta**

STT	Tên hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn bắt đầu	Kỳ hạn kết thúc	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Cà phê Robusta	Nguyên liệu công nghiệp	ICE EU	05/2024	07/2024	<b>2,033</b>	USD
2				05/2024	09/2024	<b>2,208</b>	USD
3				05/2024	11/2024	<b>2,083</b>	USD
4				05/2024	01/2025	<b>2,078</b>	USD
5				05/2024	03/2025	<b>2,159</b>	USD
6				07/2024	09/2024	550	USD
7				07/2024	11/2024	<b>825</b>	USD
8				07/2024	01/2025	<b>970</b>	USD

9				07/2024	03/2025	1069	USD
10				09/2024	11/2024	317	USD
11				09/2024	01/2025	592	USD
12				09/2024	03/2025	754	USD
13				11/2024	01/2025	381	USD
14				11/2024	03/2025	560	USD
15				01/2025	03/2025	222	USD

*Ghi chú: Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông.*

## II. Danh sách các mức ký quỹ ban đầu theo kỳ hạn mặt hàng Cà phê

### 1. Cà phê Arabica

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn hợp đồng	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Cà phê Arabica	KCE	Nguyên liệu công nghiệp	ICE US	05/2024	6,600	USD
2					07/2024	6,600	USD
3					09/2024	5,775	USD
4					12/2024	5,363	USD
5					03/2025	5,363	USD

### 2. Cà phê Robusta

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn hợp đồng	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Cà phê Robusta	LRC	Nguyên liệu công nghiệp	ICE EU	05/2024	2,783	USD
2					07/2024	2,475	USD
3					09/2024	2,255	USD
4					11/2024	2,123	USD
5					01/2025	2,024	USD
6					03/2025	1,969	USD

*Ghi chú: Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông.*

T.L:45  
 GIAOD  
 NG H  
 TN/  
 :0310



### III. Mức ký quỹ áp dụng tại MXV

- Mức ký quỹ ban đầu áp dụng tại MXV bằng 120% mức ký quỹ ban đầu tại các Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông được công bố trong danh sách trên.
- Mức ký quỹ ban đầu trong danh sách trên sẽ được tính toán theo tỷ giá quy đổi do MXV công bố trong từng thời điểm.

